

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/TCDS-ST

Ngày: 15 - 9 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba và Bà Hoàng Thị Tường Vy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2019/TLST-TCDS, ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST - DSST ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng N (A). Địa chỉ: đường T, khu đô thị M, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc Agribank;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Quang Đ – Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Q Quảng Bình, theo văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019. Địa chỉ: T, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Nguyễn Nam Q – Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Q Quảng Bình - Phòng giao dịch D theo văn bản ủy quyền số 154/QĐ-NHNoQN ngày 14 tháng 8 năm 2020. Địa chỉ: Thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Bị đơn: anh Hà Xuân V, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Hiện nay đăng ký hộ khẩu và thường trú tại: Tổ 2, t 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng N (gọi tắt là A) - Ông Nguyễn Nam Q trình bày:

Agribank chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch Dinh M đã ký với ông Hà Xuân V hợp đồng tín dụng số 3803- LAV-201702044 ngày 15/8/2017 số tiền cho vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thời hạn cho vay là 36 tháng, kể từ ngày 15/8/2017. Mục đích sử dụng vốn vay: Chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống (mua trâu sinh sản). Lãi suất: 10%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có bảo đảm tài sản.

(Anh Hà Xuân V đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 467036 diện tích 200m², thuộc thửa đất số 189, tờ bản đồ số 05 do UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 14/11/2006 cho ngân hàng để làm căn cứ khi vay)

Trong quá trình quan hệ tín dụng với A chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch D, anh Hà Xuân V đã không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Agribank chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch D và để phát sinh nợ quá hạn với tổng nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/9/2020 số tiền 126.454.166 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi là 26.454.166 đồng (nợ lãi trong hạn 22.416.666 đồng; nợ lãi quá hạn 4.037.500 đồng). A chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch D đã nhiều lần thông báo nợ đến hạn, nợ quá hạn, thông báo vi phạm hợp đồng tín dụng nhưng đến nay khách hàng vẫn không chấp hành và chưa trả được nợ.

Để đảm bảo việc thu hồi nợ vay cho Nhà nước, A chi nhánh huyện Q Quảng Bình đề nghị Tòa án nhân dân huyện Q buộc anh Hà Xuân V phải thanh toán cho A chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch D tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/9/2020 số tiền 126.454.166 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi là 26.454.166 đồng (nợ lãi trong hạn 22.416.666 đồng; nợ lãi quá hạn 4.037.500 đồng) và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký giữa A Chi nhánh huyện Q Quảng Bình - Phòng giao dịch Dinh và anh Hà Xuân V, cho đến ngày anh Hà Xuân V trả nợ xong cho A chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch Dinh M

Bị đơn anh Hà Xuân V: Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Anh Hà Xuân V đã chuyển hộ khẩu từ thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đến thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. A thừa nhận số nợ như A chi nhánh huyện Q Quảng Bình khởi kiện tại Tòa án. Anh và A chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch D đã ký hợp đồng tín dụng số 3803- LAV-201702044 ngày 15/8/2017 số tiền cho vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thời hạn cho vay là 36 tháng, kể từ ngày 15/8/2017. Mục đích sử dụng vốn vay: Chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống (mua trâu sinh sản). Hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có bảo đảm tài sản. Quá trình thực hiện hợp đồng anh có trả được vài tháng tiền lãi nhưng không nhớ rõ cụ thể là bao nhiêu tháng, còn tiền nợ gốc thì chưa trả được khoản nào. Vì điều kiện kinh tế khó khăn và đi lại vất vả nên anh không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Anh đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để tiến hành xét xử vắng mặt.

Ngày 26/6/2020 anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó anh không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 14/8/2020.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do một bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh theo quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại các Điều 51, 54, 208, 209, 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng quy định tại các Điều từ 213 đến điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Hà Xuân V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền: 126.454.166 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi là 26.454.166 đồng (nợ lãi trong hạn 22.416.666 đồng; nợ lãi quá hạn 4.037.500 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng N khởi kiện bị đơn anh Hà Xuân V yêu cầu thanh toán tiền vay do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị đơn khi ký hợp đồng tín dụng có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quảng Ninh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Bị đơn anh Hà Xuân V có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Vương.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét theo nội dung Hợp đồng tín dụng vay tiền, yêu cầu trả nợ của Ngân hàng N (A): Ngày 15 tháng 8 năm 2017, anh Hà Xuân Vương đã ký Hợp đồng tín dụng với A chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch D để vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn vay: Chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống. Đến kỳ hạn trả nợ nhưng anh V không trả gốc và lãi, A chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch D đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng, đôn đốc, kiểm tra, yêu cầu anh Vương trả nợ, anh Vương vẫn không trả. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm anh V còn nợ A Chi nhánh huyện Q Quảng Bình- Phòng giao dịch D tổng số tiền: 126.454.166 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu,

bốn trăm năm mươi bốn nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi là 26.454.166 đồng (nợ lãi trong hạn 22.416.666 đồng; nợ lãi quá hạn 4.037.500 đồng).

Xét hợp đồng vay vốn giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự và theo thỏa thuận Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 3803- LVA-201702044.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 3803- LVA-201702044 ngày 15/8/2017 mà hai bên đã ký kết, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất của hợp đồng vay 10%/năm. Thỏa thuận lãi suất này không vượt quá và đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết. Hội đồng xét xử xét thấy: sau khi vay tiền cho đến ngày khởi kiện anh V chưa trả nợ gốc và trả được 6.305.556 đồng trong tổng số 32.759.722 đồng tiền lãi cho A chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch D là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn tại hợp đồng đã ký kết giữa các bên. Sau kỳ hạn trả nợ cuối cùng, anh V không thanh toán nợ cho A nên A chuyển thành nợ quá hạn và tính lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Như vậy, yêu cầu của Nguyên đơn về tiền lãi là có căn cứ nên cần được xem xét chấp nhận, buộc anh V phải trả cho A chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch D số tiền lãi là 26.454.166 đồng (nợ lãi trong hạn 22.416.666 đồng; nợ lãi quá hạn 4.037.500 đồng)

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc anh Hà Xuân V phải nộp 6.322.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 179, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A). Buộc anh Hà Xuân V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền: 126.454.166 đ (Một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi là 26.454.166 đồng (nợ lãi trong hạn 22.416.666 đồng; nợ lãi quá hạn 4.037.500 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Hà Xuân V phải nộp số tiền 6.322.000 đ (Sáu triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng N được hoàn trả lại số tiền 2.897.000 đồng (Hai triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004861 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Mạnh Cường